

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, thiết bị:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính: Đầu phun sprinkler, ống thép, dây cáp điện các loại, ống ghen, ống gió và phụ kiện ống gió, cửa gió, van gió, thép hình, thép hộp, quạt hút khói và cấp gió bù, tủ điện cấp nguồn, bộ điều khiển DDC, cảm biến CO | Có thỏa thuận hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp đáp ứng yêu cầu. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu tại tiêu chí đánh "Đạt". | Không đạt |
| 1.2. Đặc tính, thông số kỹ thuật của thiết bị: Quạt hút khói và cấp gió bù, tủ điện cấp nguồn, bộ điều khiển DDC, cảm biến CO, đầu phun sprinkler | Có kê đầy đủ nêu rõ xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác. Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của thiết kế và E-HSMT (Nhà thầu phải cung cấp catalog của thiết bị) | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu tại tiêu chí đánh giá "Đạt" | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

2. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----|
| 2.1. Hiểu biết và nhận thức của Nhà thầu đối với dự án và hiện trường thi công | Nhà thầu có hiểu biết đầy đủ về dự án, gói thầu, hiện trường thi công, đầy đủ các nội dung sau: + Giới thiệu thông tin về dự án: Tên công trình, tên gói thầu, địa điểm công trình. + Vị trí, phạm vi thi công hạng mục trên tổng mặt bằng; + Nêu hiện trạng công trình, nội dung công việc triển khai của các hạng mục; + Đánh giá về điều kiện thi công (bao gồm thuận lợi và khó khăn) trong quá | Đạt |

| | | |
|--|--|-----------|
| | trình thi công. | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 2.2. Công tác chuẩn bị và sơ đồ tổ chức | <p>Công tác chuẩn bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị hiện trường xây lắp: thiết bị, máy móc, nhân lực, vật tư, vật liệu, xây dựng lán trại phục vụ thi công, công tác thí nghiệm tại hiện trường. - Chuẩn bị công tác bảo vệ môi trường, công tác an toàn lao động. - Công tác chuẩn bị khởi công: Thủ tục khởi công, mặt bằng khởi công bao gồm, điện nước phục vụ thi công, cung cấp vật tư, thiết bị, thủ tục pháp lý trước thi công. <p>Sơ đồ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có sơ đồ tổ chức của nhà thầu tại công trường trong đó có các bộ phận: Công ty, Chỉ huy trưởng, cán bộ kỹ thuật, cán bộ hồ sơ, cán bộ an toàn, các tổ đội thi công, bộ phận quản lý chất lượng, vật tư, thiết bị,... - Thuyết minh sơ đồ hệ thống tổ chức công trường rõ ràng, chi tiết, hợp lý, có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng vị trí; - Nêu rõ mối quan hệ và cách hoạt động giữa các bộ phận của Công ty (Nhà thầu) và chỉ huy trưởng, mối quan hệ giữa nhà thầu với chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 2.3. Biện pháp tổ chức thi công tổng thể | <p>Biện pháp tổ chức thi công tổng thể: phải phù hợp với mặt bằng hiện trạng công trình và hạ tầng kỹ thuật xung quanh.</p> <p>Thuyết minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu các tiêu chuẩn áp dụng; - Có đầy đủ thuyết minh giải pháp bố trí, hoạt động, kích thước của các hạng mục công trình tạm trên tổng mặt bằng công trường: Văn phòng làm việc của ban chỉ huy công trường, nhà để xe, lán trại công nhân, kho chứa, bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp điện, nước, | Đạt |

| | | |
|--|---|------------------|
| | <p>thoát nước, PCCC, giao thông, liên lạc, phương án xử lý phế thải, hoàn trả mặt bằng sau khi bàn giao công trình.</p> <p>Bản vẽ: Bản vẽ tổng mặt bằng thi công phải thể hiện đầy đủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định vị vị trí công trình thi công; - Định vị vị trí, kích thước, ký hiệu của các công trình tạm; - Vị trí kho, bãi tập kết vật tư, vật liệu, phế thải; - Bố trí máy móc, thiết bị thi công; - Cấp điện, chiếu sáng; - Cấp, thoát nước phục vụ thi công; - Bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, PCCC, giao thông,.... | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| <p>2.4. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công chi tiết từng hạng mục công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống báo cháy. - Hệ thống chữa cháy - Phần lắp đặt đường ống gió và phụ kiện, quạt hút khói, quạt cấp bù khí - Cắt tường thi công quạt, ống gió các hạng mục. - Đào đường, vỉa hè, hoàn trả đường, vỉa hè - Hồ van - Cầu đi cáp trên cao - Phần cấp điện - Máng cáp + phụ kiện | <p>Thuyết minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh tiêu chuẩn áp dụng cho công tác; - Thuyết minh trình tự các bước triển khai thi công, yêu cầu về kỹ thuật thi công; - Biện pháp đảm bảo chất lượng, an toàn trong quá trình thi công cho công tác; - Nhân lực và thời gian thi công cho công tác. <p>Bản vẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ biện pháp thi công phải phù hợp với hồ sơ thiết kế và hiện trạng công trình; + Quy trình các bước thi công, yêu cầu kỹ thuật trong thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----------------------------|--|-----|
| 3.1. Tổng tiến độ thi công | Thời gian hoàn thành công trình tối đa 90 ngày; tính hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan; phù hợp với | Đạt |

| | | |
|---|--|------------------|
| | phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 3.2. Biểu đồ huy động: a) Nhân sự; b) Vật liệu; c) Thiết bị thi công. | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a), b) và c) phù hợp với tiến độ thi công | Đạt |
| | Đề xuất không đủ 3 nội dung a), b) và c) hoặc không phù hợp với tiến độ thi công | Không đạt |
| 3.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| 3.4. Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, duy trì thi công | Đề xuất biện pháp tăng cường máy móc thiết bị, nhân lực khi tiến độ thi công bị chậm trễ, đáp ứng hoàn thành công trình theo đúng tiến độ đề ra; đặc biệt trong các trường hợp: khi mất điện; khi điều chỉnh, bổ sung thiết kế (nếu có); khi có các sự cố khác, như: dịch bệnh, thời tiết bất lợi, mưa bão,... | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----|
| 4.1. Sơ đồ, quy trình quản lý chất lượng | Có sơ đồ và thuyết minh quản lý chất lượng đầy đủ, chi tiết, trong đó thể hiện: Hệ thống quản lý chất lượng cấp Công ty (Nhà thầu), kiểm tra chất lượng tại công trường; danh sách các bộ phận, cá nhân của nhà thầu chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể này trong công | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----------|
| | tác quản lý chất lượng công trình. | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 4.2. Biện pháp quản lý chất lượng vật tư, thiết bị | <p>Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Bao gồm các nội dung:</p> <p>a) Lập bảng danh mục vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu (Nhà thầu phải có bảng kê danh mục vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào sử dụng cho gói thầu, trong đó phải thể hiện được thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, ký mã hiệu, model, hãng, tiêu chuẩn chất lượng, tên nhà sản xuất và kèm theo tài liệu kỹ thuật chứng minh đáp ứng các đặc tính, thông số kỹ thuật của vật tư, thiết bị theo yêu cầu của E-HSMT);</p> <p>b) Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị;</p> <p>c) Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu</p> | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công. | Không đạt |
| 4.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| 4.4. Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão | Có biện pháp hợp lý, hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|----------------------------|
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên |
| 4.5. Biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, ghi nhật ký thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán | Có biện pháp hợp lý, khả thi | Đạt |
| | Không có biện pháp hợp lý, khả thi | Không đạt |
| Kết luận: | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

5. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| 5.1. An toàn lao động | | |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | <p>Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> <p>Nhà thầu phải thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát về công tác an toàn, lập biện pháp đảm bảo an toàn lao động chi tiết, khả thi, phù hợp với quy định pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về an toàn lao động và hiện trạng công trình xây dựng. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động phải đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lập sơ đồ danh sách các bộ phận cá nhân của nhà thầu chịu trách nhiệm quản lý về an toàn lao động; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể này trong đảm bảo an toàn lao động; + Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; + Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; + An toàn giao thông ra vào công trường; + Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị; + Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường | Đạt |
| | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc | Không đạt |

| | | |
|--|---|-----------|
| | có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | |
| 5.2. Phòng cháy, chữa cháy | | |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy phải đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và các nội dung chính sau: + Quy định, quy phạm tiêu chuẩn; + Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; + Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ. | Đạt |
| | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 5.3. Vệ sinh môi trường | | |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Nhà thầu phải lập biện pháp giảm thiểu tác hại, bảo vệ môi trường khả thi, phù hợp với quy định pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về vệ sinh môi trường và hiện trạng công trình xây dựng, bao gồm các nội dung về: a) Tiếng ồn; b) Bụi và khói; c) Rung; d) Kiểm soát nước thải; đ) Kiểm soát rác thải, vệ sinh; e) Xử lý chất thải rắn | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh | Không đạt |

| | | |
|-----------------|---|------------------|
| | môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

6. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành; Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 6.1. Bảo hành | | |
| Thời gian bảo hành | Có đề xuất thời gian bảo hành công trình ≥ 12 tháng | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc không đáp ứng yêu cầu | Không đạt |
| Trình bày kế hoạch và các biện pháp bảo hành | Có đầy đủ nội dung, chi tiết và tất cả các nội dung đều phù hợp theo yêu cầu | Đạt |
| | Không có hoặc có nhưng nội dung không phù hợp theo yêu cầu | Không đạt |
| 6.2. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng | | |
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Nhà thầu không có tên trong “Danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm” tại hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về vi phạm kết quả thực hiện hợp đồng. | Đạt |
| | Nhà thầu có tên trong “Danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm” tại hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về vi phạm kết quả thực hiện hợp đồng | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.